TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
QUẬN LIÊN CHIỂU-TP ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 201/2019/QĐST-HNGĐ	*Liên Chiểu, ngày 06 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 394/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1998. Trú tại: thôn Quan Nam 1, xã HL, huyện HV, TP. Đà Nẵng.

Ông Nguyễn Quang S, sinh năm 1996. Trú tại: Tổ 19, phường HHB, quận L, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lê Thị Thanh T và ông Nguyễn Quang S kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang, TP.Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, bà Lê Thị Thanh T và ông Nguyễn Quang S chung sống tại phường HHB, quận L, TP. Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không tôn trọng lẫn nhau, luôn bất đồng trong quan điểm sống, sống không có trách nhiệm với nhau. Bà Lê Thị Thanh T và ông Nguyễn Quang S đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2019 cho đến nay. Nay xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm giữa hai vợ chồng đã không còn vì thế thống nhất thuận tình ly hôn.

Xét thấy, bà T và ông S đã thật tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 55 Luật HNGĐ công nhận sự thuận tình ly hôn của bà T và ông S .

[2] *Về con chung:* Trong quá trình chung sống, Bà Lê Thị Thanh T và ông Nguyễn Quang S có 01 con chung là Nguyễn Lê Ngọc T, sinh ngày 16.11.2018.

Bà T và ông S thống nhất giao con chung Nguyễn Lê Ngọc T, sinh ngày 16.11.2018 cho bà Lê Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cho đến tuổi trưởng thành. Ông Nguyễn Quang S không cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Lê Thị Thanh T và ông Nguyễn Quang S khai nhận không có.

[4] Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (b*a trăm nghìn đồng*) bà Lê Thị Thanh T và ông Nguyễn Quang S phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 29.10.2019, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Thị Thanh T và ông Nguyễn Quang S thống nhất thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 04/2019 ngày 16/01/2009 của UBND xã HL, huyện HV, TP. Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý.

- *Về con chung:* Bà Lê Thị Thanh T và ông Nguyễn Quang S khai nhận có 01 con chung là Nguyễn Lê Ngọc T, sinh ngày 16.11.2018. Hai bên đương sự thống nhất thỏa thuận như sau:

Bà Lê Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung Nguyễn Lê Ngọc T, sinh ngày 16.11.2018 đến tuổi trưởng thành.

Ông Nguyễn Quang S không cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Lê Thị Thanh T và ông Nguyễn Quang S khai nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí HNGĐ sơ thẩm 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng y*) bà Lê Thị Thanh T và ông Nguyễn Quang S phải nộp và được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004017 ngày 22.10.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng. Bà Lê Thị Thanh T và ông Nguyễn Quang S đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- UBND xã Hòa Liên, h Hòa Vang, TPĐN;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Phạm Thanh Thủy